TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận G, ngày 16 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc "Tranh chấp ly hôn" thụ lý số 08/2024/HNST ngày 06 tháng 01 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Q (tên gọi khác: Nguyễn Xuân Q1), sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú: Số C đường N khu H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: P, Tầng A P T, số D đường M, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú: Số C đường N khu H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: V2-05.02 Chung cư S, số B đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trịnh Thị Phương P, sinh năm 1975 - Luật sư Đoàn luật sư Thành phố H – Công ty L; địa chỉ: Số D đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân Q (tên gọi khác: Nguyễn Xuân Q1) và bà Nguyễn Thị H thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 50 do Ủy ban nhân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/2010).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Xuân Q (tên gọi khác: Nguyễn Xuân Q1) và bà Nguyễn Thị H xác nhận có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Nhật N (nam), sinh ngày 29/4/2011 và Nguyễn Nhật V (nam), sinh ngày 08/5/2012.

Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị H thống nhất: Bà H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Nguyễn Nhật N và trẻ Nguyễn Nhật V; Ông Q cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Nhật N mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng, cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Nhật V mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng, thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 02/2024, cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Xuân Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Q.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Nguyễn Xuân Q chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Q phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị H xác nhận là không có.

1.5. Đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H, do bà H đã rút lại toàn bộ yêu cầu.

1.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân Q chịu án phí ly hôn hoà giải thành là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0031516 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí.

H1 lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp là 56.025.000 (năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi lăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013813 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San H2